

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **15/2021/HNGĐ-ST**
Ngày: 26 - 3 - 2021
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh
2. Ông Thái Bình Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Kiều Diễm - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Lưu Kim Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 574/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1978; địa chỉ: Đường D1, Khu tái định cư N, Tổ 36, Khu phố 5, phường N, thành phố M, tỉnh Bình Dương. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Lê Vĩnh D, sinh năm 1973; địa chỉ: Đường D1, Khu tái định cư N, Tổ 36, Khu phố 5, phường N, thành phố M, tỉnh Bình Dương. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại Đơn khởi kiện đề ngày 16/11/2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:

Bà M và ông Lê Vĩnh D là vợ chồng, chung sống và đăng ký kết hôn năm 2001 theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 12, quyển số 02 do Ủy ban nhân dân xã (nay là phường) H, huyện (nay là thị xã) U, tỉnh Bình Dương cấp ngày 22/8/2001.

Thời gian đầu chung sống vợ chồng yêu thương, quan tâm lo lắng cho nhau, cuộc sống gia đình đầm ấm, hạnh phúc. Tuy nhiên, thời gian gần đây, vợ

chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Ông D có những lời lẽ không đúng mực, xúc phạm nghiêm trọng danh dự, nhân phẩm và bạo hành để lại thương tích cho bà M. Gần đây, ông D còn hăm dọa dùng xăng đốt chết bà M, làm cho tinh thần bà M hoảng loạn. Bà M nhiều lần cố gắng chịu đựng để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Hiện nay, bà M nhận thấy không còn tình cảm với ông D, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống vợ chồng không thể kéo dài nên yêu cầu được ly hôn với ông D.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà M, ông D có 02 con chung là Lê Quốc T, sinh ngày 20/10/1997 và Lê Quốc B, sinh ngày 18/4/2009. Sau khi ly hôn, bà M đồng ý giao con chung Lê Quốc B cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng, bà M không cấp dưỡng nuôi con. Con chung Lê Quốc T đã trưởng thành và có khả năng lao động nên bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà M, ông D tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà M giao nộp các tài liệu, chứng cứ sau: *CMND, sổ hộ khẩu của bà M; CMND của ông D; Giấy chứng nhận kết hôn của bà M, ông D; Giấy khai sinh mang tên Lê Quốc B, Lê Quốc T; Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng ngày 24/12/2020 giữa ông Lê Vĩnh D và bà Nguyễn Thị M và Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng ngày 24/12/2020 giữa ông Lê Vĩnh D và bà Nguyễn Thị M có chứng nhận của Văn phòng Công chứng M (bản sao); 01 USB kích thước 1 cm x 1,5 cm và 06 tấm hình có ảnh chiếc điện thoại di động bị đập bể, kích thước 8,7 cm x 12,7 cm; 03 tờ giấy A4 có hình ảnh ông Lê Vĩnh D được chụp và in ra từ camera.*

- Tại Đơn đề nghị ngày 05/01/2021, bị đơn ông Lê Vĩnh D trình bày:

Ông D thừa nhận ông và bà M là vợ chồng. Ông D cho rằng tình cảm vợ chồng vẫn tốt đẹp. Các con không đồng thuận cho cha mẹ ly hôn. Ông D đề nghị Tòa án tạm ngưng giải quyết việc ly hôn giữa ông và bà M.

Ông D không giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Tại phiên tòa,

- Bà M giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không giao nộp thêm chứng cứ cho Tòa án.

- Ông D đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng không đến tham gia phiên tòa.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, nhận thấy tình cảm vợ chồng của bà M, ông D mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu khởi kiện về ly hôn của bà M có cơ sở chấp nhận. Do hiện nay con chung Lê Quốc B đang sinh sống với ông D, bà M đồng ý giao con chung cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp pháp luật.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm: Không.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến trình bày của nguyên đơn và ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án (quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự). Do bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự). Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn liên quan đến quyền nhân thân nên thuộc trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện (quy định tại Điều 39, khoản 1 Điều 155 của Bộ luật Dân sự).

[2] Ông D đã được Tòa án triệu hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa xét xử vắng mặt ông D.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng:

Về hôn nhân: Bà M, ông D chung sống với nhau có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của ông bà được pháp luật công nhận. Bà M nộp đơn yêu cầu ly hôn do tính cách vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Ông D có những lời lẽ không đúng mực, xúc phạm nghiêm trọng danh dự, nhân phẩm, bạo hành sức khỏe và hăm dọa tước đoạt tính mạng bà M, làm cho tinh thần bà M hoảng loạn, lo sợ. Tất cả các vấn đề trên được bà M ghi âm lại, chụp hình lại để làm chứng cứ giao nộp cho Tòa án. Ông D không đến Tòa án trình bày ý kiến, phản bác ý kiến và chứng cứ của bà M, do đó ý kiến và chứng cứ của bà M thuộc trường hợp tình tiết không cần phải chứng minh quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét thấy, vợ chồng phải biết yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau cùng xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc. Tuy nhiên, qua lời trình bày của bà M và chứng cứ do bà M giao nộp, Tòa thấy rằng: Mâu thuẫn tình cảm giữa bà M, ông D là có thật, hiện tại bà M, ông D đã sống ly thân nhau, đã thỏa thuận phân chia xong tài sản chung, nên tảng một gia đình hạnh phúc không có. Tòa án thông báo cho ông D đến hòa giải, hàn gắn tình cảm, ông D không đến. Chứng tỏ ông D cũng không còn tình cảm với bà M, không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Tại phiên tòa, bà M vẫn cương quyết ly hôn với ông D. Xét thấy mâu thuẫn giữa

bà M, ông D đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà M, ông D có 02 con chung là Lê Quốc T, sinh ngày 20/10/1997 và Lê Quốc B, sinh ngày 18/4/2009. Sau khi ly hôn, bà M yêu cầu ông D trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Quốc B. Xét thấy, quá trình giải quyết, ông D không hợp tác, không đến Tòa án làm việc, Tòa án không tiếp cận, lấy được ý kiến của cháu Bình để xem xét nguyện vọng của cháu B muốn chung sống với ai, sau khi bà M, ông D ly hôn. Qua xác minh, Tòa án được biết hiện nay con chung Lê Quốc B đang sống cùng ông D. Ông D đã được Tòa án thông báo kết quả mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng không có ý kiến tranh chấp gì về việc nuôi dưỡng con chung và cấp dưỡng nuôi con, do đó Tòa chấp nhận yêu cầu của bà M, giao cháu Bình cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con, bà M và ông D tự thỏa thuận.

Đối với con chung Lê Quốc T sinh ngày 20/10/1997 đã trưởng thành và có khả năng lao động, bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

Về tài sản chung, nợ chung: Tòa không giải quyết.

[4] Từ những phân tích, nhận định trên, xét thấy ý kiến phát biểu về quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên có căn cứ nên Tòa chấp nhận.

[5] Về án phí: Bà M phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 4 Điều 147, các điều 266, 273, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 39, khoản 1 Điều 155 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M đối với bị đơn ông Lê Vĩnh D về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị M được ly hôn ông Lê Vĩnh D.

- Về con chung: Giao con chung Lê Quốc B sinh ngày 18/4/2009 cho ông Lê Vĩnh D trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà M và ông D tự thỏa thuận.

Đối với con chung Lê Quốc T đã trưởng thành và có khả năng lao động nên Tòa án không xem xét, giải quyết việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được quyền cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của bà M. Bà M không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con của ông D. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân gia đình: Bà M nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) đã nộp trước đây theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0050815, ngày 26/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Bà M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Viện Kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- Đương sự;
- UBND P. Thái Hòa, TX.Tân Uyên, BD;
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Bình